TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-PT
Ngày 15 tháng 12 năm 2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn San và ông Nguyễn Quốc Trưởng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1997; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt; khi tuyên án vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Quốc C, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Văn C - Luật sư của Văn phòng luật sư Chính Pháp, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 6…, phố T, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Anh Đặng Quốc T, và chị Trần Thị N, đều sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1988 và chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989 và chị Đặng Thị Kim H, sinh năm 1993; Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

4. Người làm chứng: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

5. Người kháng cáo: Anh Đặng Quốc C là bị đơn và các anh Đặng Quốc T, Nguyễn Văn Q, Đặng Văn T1 đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Phạm Thị M và anh Đặng Quốc C kết hôn ngày 20 tháng 6 năm 2014, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tiên Ngoại, huyện Duy Tiên (Nay là thị xã Duy Tiên), tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tính tình vợ chồng không hợp, quan hệ thông gia giữa hai bên gia đình cũng không hòa thuận; vợ chồng nhiều lần sống ly thân, gần nhất cuối năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Nay, chị Phạm Thị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Đặng Quốc C đồng ý.

Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Đặng Quốc C đều xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Đức A, sinh ngày 24/9/2014. Hiện cháu Đức A đang ở với chị M. Khi ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi cháu Đặng Đức A và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất có 01 xe ô tô Biển kiểm soát 90C-106.67, loại xe tải 2,5 tấn, nhãn hiệu KIA, mua năm 2020 với giá 440.000.000 đồng và 01 xe ô tô Biển kiểm soát 90A-138.66, loại xe 5 chỗ, mua năm 2021 với giá 770.000.000 đồng. Theo lời khai ban đầu của chị M, cả hai chiếc xe ô tô đều hình thành trong thời kỳ hôn nhân và anh Đặng Quốc C là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; vì vậy, chị M đề nghị chia tài sản chung là 02 chiếc xe theo quy định. Ngày 04/11/2022, chị M có đơn đề nghị Tòa án chỉ định giá và chia tài sản chung đối với chiếc xe ô tô 90C-106.67. Riêng chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 90A-138.66 đã bị tịch thu sung ngân sách Nhà nước ½ giá trị, còn ½ giá trị trả lại chị Phạm Thị M. Hiện chị M đã nộp ½ giá trị chiếc xe và đang trực tiếp quản lý chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 90A-138.66. Khi ly hôn, chị M đề nghị chia giá trị chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 90C-106.67 và chị xin nhận bằng tiền. Quan điểm của anh C nhất trí tài sản chung của vợ chồng có 02 chiếc xe ô tô như chị M trình bày. Tuy nhiên, nguồn gốc hình thành tài sản chung là

do vợ chồng vay mượn tiền của các anh Q, T và T1 để mua xe làm ăn. Nay ly hôn anh C đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật và anh C xin nhận chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 90C-106.67. Riêng chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 90A-138.66 đã bị Tòa án xét xử tịch thu sung ngân sách Nhà nước giá trị ½ chiếc xe (Phần của anh C); ½ còn lại trả cho chị M.

Về công nợ: Theo quan điểm của anh Đặng Quốc C, quá trình chung sống vợ chồng có vay khoản tiền 1.050.000.000 đồng, mua 02 chiếc xe ô tô để làm ăn; cụ thể: Vay vợ chồng anh Nguyễn Văn Q số tiền 250.000.000 đồng, vợ chồng anh Đặng Quốc T số tiền 400.000.000 đồng và vợ chồng anh Đặng Văn T1 số tiền 400.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có viết Giấy vay tiền và anh C là người ký trong các Giấy vay tiền; chị M đi cùng nhưng không ký vì bên cho vay đều là anh em, bạn bè phía gia đình anh C. Khi ly hôn, anh C đề nghị Tòa án chia các khoản nợ chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Theo quan điểm của chị Phạm Thị M, vợ chồng không nợ cá nhân, không nợ tập thể; việc anh C vay mượn tiền của những người liên quan và ký trong Giấy vay tiền là các khoản vay riêng của anh C. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều xác định:

Ngày 15/7/2020, anh Nguyễn Văn Q và chị Đặng Thị Kim H có cho vợ chồng anh C, chị M vay số tiền 250.000.000 đồng; trước khi vay anh C và chị M đều đến hỏi vay tiền nhưng khi giao tiền, chỉ có anh C đến nhận và viết Giấy vay tiền; Giấy vay tiền anh Q đã nộp cho Tòa án. Nay vợ chồng anh Q, chị H yêu cầu cầu anh C, chị M phải trả số tiền gốc 250.000.000 đồng và không yêu cầu phải trả lãi.

Ngày 06/02/2021, anh Đặng Quốc T và chị Trần Thị N cho vợ chồng anh C, chị M vay số tiền 400.000.000 đồng; trước khi vay, vợ chồng chị M, anh C sang hỏi vay nhưng khi nhận tiền anh C là người viết Giấy vay tiền và nhận tiền; chị Phạm Thị M có đến cùng anh C nhưng không ký vào Giấy vay tiền. Nay vợ chồng anh T, chị N yêu cầu anh C, chị M cùng phải trả số tiền gốc 400.000.000 đồng và không yêu cầu phải trả lãi.

Ngày 07/02/2021, anh Đặng Văn T1 và chị Lê Thị Hồng D cho anh C, chị M vay số tiền 400.000.000 đồng; trước khi vay, anh C, chị M cùng hỏi, vài ngày sau một mình anh C đến nhận tiền và viết Giấy vay tiền. Nay anh T1, chị D yêu cầu anh C, chị M phải trả số tiền gốc 400.000.000 đồng và không yêu cầu phải trả lãi.

Quan điểm của UBND xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên xác định: Căn cứ hồ sơ đăng ký kết hôn năm 2014 lưu trữ tại UBND xã Tiên Ngoại thì tại thời điểm ngày 01/7/2014, UBND xã Tiên Ngoại có cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2014 cho anh Đặng Quốc C và chị Phạm Thị M. Do chủ quan trong việc không kiểm tra giấy tờ tùy thân của anh C, chị M nên trong Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/6/2014 của UBND xã Tiên Ngoại cấp cho anh C, chị M

chỉ ghi Đặng Quốc C, sinh năm 1993 và Phạm Thị M sinh năm 1997. Nay kiểm tra các giấy tờ tùy thân của anh C và chị M thì tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 01/7/2014 chị Phạm Thị M, sinh ngày 24/7/1997 chưa đủ 17 tuổi nên chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 là không đúng quy định của pháp luật. Nay, chị M và anh C ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình định giá tài sản ngày 29/11/2022, Hội đồng định giá tài sản xác định: Chiếc xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu KIA, loại THACO FRONTIER K250 - MB, màu sơn xanh, số khung: RNHA05KHBLC019938, số động cơ: LD521704D4CB, Biển kiểm soát 90C-106.67 đã qua sử dụng có trị giá 350.000.000 đồng.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 463; 465; 466; 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 33; Điều 37; Điều 59; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm d1 mục D, phần 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Đặng Quốc C.

Về con chung: Giao cháu Đặng Đức A, sinh ngày 24/9/2014 cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Đặng Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Do chị Phạm Thị M, anh Đặng Quốc C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Về tài sản chung:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Phạm Thị M đối với 01 chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 90A-138.66.

Xác định 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu KIA, loại THACO FRONTIER K250-MB, màu sơn xanh, số khung: RNHA05KHBLC019938, số động cơ: LD521704D4CB, Biển kiểm soát 90C-106.67, đăng ký xe số: 024746 mang tên Đặng Quốc C là tài sản thuộc sở hữu chung của anh Đặng Quốc C và chị Phạm Thị M. Tài sản chung có giá trị 350.000.000 đồng.

Giao anh Đặng Quốc C sở hữu xe ô tô Biển kiểm soát 90C-106.67 và đăng ký xe số: 024746 mang tên Đặng Quốc C. Anh Đặng Quốc C có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phạm Thị M ½ giá trị chiếc xe ô tô BKS 90C-106.67 với số tiền 175.000.000 đồng. Kể từ ngày anh Đặng Quốc C thanh toán cho chị Phạm Thị M đủ số tiền giá trị tài sản chị M được hưởng, anh C được toàn quyền sở hữu xe ô tô trên.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Buộc anh Đặng Quốc C có nghĩa vụ trả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả anh Đặng Quốc T và chị Trần Thị N số tiền là 400.000.000 đồng; Trả anh Nguyễn Văn Q và chị Đặng Thị Kim H số tiền 250.000.000 đồng; Trả anh Đặng Văn T1 và chị Lê Thị Hồng D số tiền là 400.000.000 đồng.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án dân sự và buộc đương sự phải chịu các loại án phí sơ thẩm; đồng thời, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, anh Đặng Quốc C kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 36/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C thay đổi nội dung kháng cáo và chỉ kháng cáo một phần bản án; đồng thời, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của anh C về việc xin nuôi con chung và xác định nghĩa vụ trả nợ chung của hai vợ chồng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Ngày 05 và ngày 07 tháng 9 năm 2023, các anh Nguyễn Văn Q, Đặng Văn T1 và anh Đặng Quốc T đều kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và buộc chị M, anh C có nghĩa vụ trả cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đặng Quốc C xác định: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xuất trình 02 Hợp đồng mua bán xe để chứng minh thời điểm vợ chồng mua xe phù hợp với thời điểm vay nợ. Vì vậy, có cơ sở để xác định toàn bộ số nợ (1.050.000.000 đồng) là nợ chung của vợ chồng và đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Phạm Thị M phải có nghĩa vụ cùng anh C trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng anh C, chị M. Về con chung, sau khi cấp sơ thẩm giao con chung cho anh C nuôi dưỡng thì hai bên gia đình đã phát sinh mâu thuẫn và có trường hợp chị M ngăn cản không cho anh C gặp con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh C nuôi dưỡng và anh C không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của anh Đặng Quốc C nhất trí quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Đặng Quốc C và chị Phạm Thị M

cùng có trách nhiệm trả số nợ đã cho vợ chồng anh C, chị M vay và đều không tính lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Phạm Thị M không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới và không nhất trí với quan điểm của bị đơn cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; với lý do: Chị M không vay tiền của ai, toàn bộ số nợ do anh C vay riêng nên anh C có trách nhiệm trả. Về con chung hiện tại cháu Đặng Đức A phát triển bình thường và nguyện vọng của cháu xin được ở với chị M. Do vậy, chị M nhất trí như với quyết định của Bản án sơ thẩm; riêng số tiền thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tại phiên tòa phúc thẩm chị Phạm Thị M xin chịu toàn bộ và không yêu cầu anh Đặng Quốc C phải chịu.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và chấp nhận toàn bộ kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo hướng: Buộc chị Phạm Thị M phải có trách nhiệm cùng anh Đặng Quốc C trả toàn bộ số nợ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ có yêu cầu độc lập theo quy định của pháp luật; không chấp nhận kháng cáo về việc xin nuôi con của anh Đặng Quốc C; án phí dân sự sơ thẩm, anh C, chị M phải chịu theo quy định; án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị Phạm Thị M và anh Đặng Quốc C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm được quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án, chị Phạm Thị M và anh Đặng Quốc C được Ủy ban nhân dân xã Tiên Ngoại, huyện Duy Tiên (Nay là thị xã Duy Tiên), tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 6 năm 2014. Tuy nhiên, tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Phạm Thị M chưa đủ 17 tuổi nên việc UBND xã Tiên Ngoại vẫn làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh C và chị M là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2000. Song đến thời điểm chị M đủ tuổi đăng ký kết hôn (Ngày đủ tuổi 24/7/2014) thì chị M và anh C vẫn chung sống hòa thuận, anh chị đã có con chung và tài sản chung. Đến khoảng đầu năm 2021, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam thực hiện đăng ký kết hôn cho chị M và anh C là trái pháp luật vì thời điểm kết hôn chị M chưa đủ 17 tuổi và cấp sơ thẩm không thừa nhận ngày 20/6/2014 là ngày kết hôn của anh C, chị M; đồng thời, căn cứ Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016//TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Bộ Tư pháp để xác nhận quan hệ hôn nhân của chị M và anh C được xác lập từ ngày 24/7/2014; sau đó, giải quyết ly hôn theo thủ tục chung là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình vì tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án xử cho ly hôn. Phần hôn nhân không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo xin nuôi con chung của anh Đặng Quốc C, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Đặng Đức A, sinh ngày 24/9/2014 cho chị Phạm Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Đặng Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M là phù hợp với Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã lấy lời khai của cháu Đặng Đức A theo quy định của pháp luật; quan điểm của cháu Đức A có nguyện vọng được ở với chị M. Vì vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống và quá trình học tập của cháu Đức A, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Đặng Đức A cho chị Phạm Thị M nuôi dưỡng theo quy định và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Quốc C.

[3.2] Đối với kháng cáo về phần công nợ của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M và anh C đều thừa nhận vợ chồng đứng tên 02 chiếc xe ô tô là tài sản chung của cả hai vợ chồng là hoàn toàn chính xác. Tuy nhiên, chị Phạm Thị M và anh Đặng Quốc C kết hôn năm 2014, sau đó sinh cháu Đặng Đức A (Ngày 24/9/2014); bản thân anh, chị sống chung cùng gia đình nhà chồng, không ăn riêng, ở riêng và không có công việc độc lập riêng. Lời khai của anh Đặng Quốc C tại cấp phúc thẩm xác định để có tiền mua 02 chiếc xe ô tô thì vợ chồng phải vay anh Đặng Quốc T, chị Trần Thị N số tiền 400.000.000 đồng; vay anh Nguyễn Văn Q, chị Đặng Thị Kim H số tiền 250.000.000 đồng và vay của anh Đặng Văn T1, chị Lê Thị Hồng D số tiền 400.000.000 đồng và vợ chồng có tiết kiệm được 150.000.000 đồng khi mua xe ô tô tải Biển kiểm soát 90C-106.67; lời khai của anh C phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và phù hợp với

số tiền mua xe cũng như thời điểm anh chị mua xe. Tại phiên tòa phúc chị M khai nguồn tiền mua xe là do bố mẹ chồng trả công vợ chồng khi đi chợ buôn bán cá. Tuy nhiên, chị không được nhận trực tiếp tiền công do bố mẹ chồng trả; ngoài ra vợ chồng không còn khoản thu nhập nào khác.

Lời khai của Bà Đặng Thị L (Mẹ chồng chị M) tại phiên tòa phúc thẩm xác định: Anh C, chị M cưới được khoảng ba tháng thì chị M sinh con; sau đó, nghỉ ở nhà nuôi con khoảng 02 đến 03 năm thì đi chợ bán cá cùng bà Luyện. Anh C, chị M ở chung với gia đình nhà chồng đến cuối năm 2017, ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà cùng bà Luyện; khi ăn riêng vợ chồng bà Luyện có trả tiền công cho anh chị từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng và chỉ đủ sinh hoạt hàng tháng, không thể đủ tiền mua 02 chiếc xe ô tô trị giá hơn một tỷ đồng.

Lời khai của Bà Đặng Thị L tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với thực tế. Bản thân chị Phạm Thị M không xuất trình tài liệu, chứng cứ cũng như nguồn thu nhập của cả hai vợ chồng; hơn nữa, thời điểm cuối năm 2019 đến năm 2021 dịch Covid19 đang phát triển mạnh, kinh tế khó khăn chung. Vì vậy, đủ căn cứ xác định toàn bộ nguồn tiền để mua 02 chiếc xe ô tô của vợ chồng anh C, chị M là do vay mượn mà có; bản thân anh chị có được bố mẹ chồng trả lương nhưng chỉ đủ sinh hoạt gia đình và có khoản tiền tiết kiệm để nộp thuế trước bạ, đóng thùng xe, kiểm định….

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; đồng thời, buộc chị Phạm Thị M có trách nhiệm cùng với anh Đặng Quốc C trả toàn bộ số nợ đã vay. Đối trừ ½ trị giá chiếc xe ô tô mang Biển kiểm soát 90C-106.67 phần của chị M mà anh C được giao quản lý, sử dụng; chị Phạm Thị M còn phải trả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cụ thể: Trả anh Đặng Quốc T và chị Trần Thị N số tiền 140.000.000 đồng; trả anh Đặng Văn T1 và chị Lê Thị Hồng D số tiền 140.000.000 đồng và trả anh Nguyễn Văn Q, chị Đặng Thị Kim H số tiền 70.000.000 đồng. Anh Đặng Quốc C phải trả anh Đặng Quốc T và chị Trần Thị N số tiền 260.000.000 đồng; trả anh Đặng Văn T1 và chị Lê Thị Hồng D số tiền 260.000.000 đồng và trả anh Nguyễn Văn Q, chị Đặng Thị Kim H số tiền 180.000.000 đồng. Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không yêu cầu nguyên đơn và bị đơn phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với số tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, cấp sơ thẩm đã nhận định trong bản án; tuy nhiên, phần quyết định lại không buộc anh Đặng Quốc C phải trả lại chị Phạm Thị M là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M tự nguyện chịu toàn bộ và không đề nghị anh C trả lại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự kháng cáo đều không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người kháng cáo nên Hội đồng xét xử tính lại án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ của nguyên đơn và bị đơn; cụ

thể: Chị Phạm Thị M và anh Đặng Quốc C mỗi người phải chịu 25.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ (1.050.000.000đ) chung của vợ chồng.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, trừ phần tài sản của vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoảng 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 157; 165; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 463; 465; 466; 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 33; Điều 37; Điều 59; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm d1 mục D, phần 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Thông tư liên tịch số 01/2016//TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Đặng Quốc C.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Đức A, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2014 cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được hoặc khi có sự thay đổi khác; anh Đặng Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Phạm Thị M đối với 01 chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 90A-138.66.

3.2. Xác định 01 xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu KIA, loại THACO FRONTIER K250-MB, màu sơn xanh, số khung: RNHA05KHBLC019938, số động cơ: LD521704D4CB, Biển kiểm soát 90C-106.67, đăng ký xe số: 024746

mang tên Đặng Quốc C là tài sản thuộc sở hữu chung của anh Đặng Quốc C và chị Phạm Thị M. Tài sản chung có giá trị 350.000.000 đồng.

Giao anh Đặng Quốc C sở hữu toàn bộ xe ô tô Biển kiểm soát 90C-106.67 và đăng ký xe số 024746 mang tên Đặng Quốc C.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập

4.1. Buộc chị Phạm Thị M phải trả anh Đặng Quốc T và chị Trần Thị N số tiền 140.000.000 đồng; trả anh Đặng Văn T1 và chị Lê Thị Hồng D số tiền 140.000.000 đồng và trả anh Nguyễn Văn Q, chị Đặng Thị Kim H số tiền 70.000.000 đồng.

4.2. Buộc anh Đặng Quốc C phải trả anh Đặng Quốc T và chị Trần Thị N số tiền 260.000.000 đồng; trả anh Đặng Văn T1 và chị Lê Thị Hồng D số tiền 260.000.000 đồng và trả anh Nguyễn Văn Q, chị Đặng Thị Kim H số tiền 180.000.000 đồng.

5. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

6. Về án phí:

6.1. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng.

6.2. Án phí chia tài sản: Chị Phạm Thị M và anh Đặng Quốc C mỗi người phải chịu 8.750.000 đồng.

6.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị M và anh Đặng Quốc C mỗi người phải chịu 25.000.000 đồng.

6.3.1. Tổng số tiền án phí chị Phạm Thị M phải chịu 34.050.000 đồng (Ba mươi tư triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền 24.300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, theo Biên lai số 0000733 ngày 10 tháng 01 năm 2022. Chị Phạm Thị M còn phải nộp tiếp số tiền 9.750.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

6.3.2. Tổng số tiền án phí anh Đặng Quốc C phải chịu 33.750.000 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh Đặng Quốc C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, theo Biên lai số 0001985 ngày 05 tháng 9 năm 2023. Anh Đặng Quốc C còn phải nộp tiếp số tiền 33.450.000 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

6.4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm: Anh Đặng Quốc T và chị Trần Thị N; anh Nguyễn Văn Q và chị Đặng Thị Kim H; anh Đặng Văn T1 và chị Lê Thị Hồng D đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6.4.1. Trả anh Đặng Văn T1 số tiền 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0000948 ngày 18 tháng 01 năm 2023 và số 0001987 ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên.

6.4.2. Trả anh Đặng Quốc T số tiền 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000949 ngày 18 tháng 01 năm 2023 và số 0001988 ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên.

6.4.3. Trả anh Nguyễn Văn Q số tiền 6.550.000 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí, lệ phí theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000950 ngày 18 tháng 01 năm 2023 và số 0001986 ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên.

6.5. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự đều không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên;
- Các đương sự;
-Tòa dân sự;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy